

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 08/04/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp, ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 10/01/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân Q và bà Trương Thị H1. Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Trịnh Xuân Q, bà Trương Thị H1 có quen biết. Vào tháng 5/2023 vợ chồng ông Q, bà H1 có đến nhà bà H mua vật liệu xây dựng để sửa sang công trình phụ. Vợ chồng ông Q bà H1 còn nợ lại bà H số tiền là 13.744.000đồng. Ông Q và bà H1 viết giấy nhận nợ tiền ngày 11/12/2023 và 02 giấy viết kê nội dung mua vật liệu, hẹn bà H thời hạn 01 tháng sẽ thanh toán đầy đủ số tiền đã mua vật liệu. Bà H đã đòi nhiều lần nhưng ông Quang, bà Huyền vẫn chưa trả số tiền nợ trên cho bà H. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Q bà H1 phải trả số tiền còn nợ 14.251.000đồng, trong đó nợ gốc 13.744.000đồng và tiền lãi 05 tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ 10/6/2023 đến ngày 10/11/2023 507.000đồng. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử

vắng mặt, bà H yêu cầu ông Q bà H1 phải trả tiền nợ gốc 13.744.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ 10/6/2023 đến ngày giải quyết xong vụ án.

* Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Trương Thị H1 trình bày:

Khoảng tháng 5/2023, vợ chồng bà Trương Thị H1, ông Trịnh Xuân Q có mua vật liệu xây dựng của bà Nguyễn Thị H . Khi mua vợ chồng bà H1 đã thanh toán được một phần tiền vật liệu cho bà H, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có nợ lại 13.744.000 đồng. Vợ chồng bà H1 có chốt sổ xác nhận còn nợ bà H 13.744.000 đồng và hai bên thỏa thuận bằng lời nói, vợ chồng ông Q bà Huyền sẽ trả lãi cho bà H theo lãi suất ngân hàng. Vợ chồng bà H1 đồng ý trả cho bà H 13.744.000 đồng tiền vật liệu xây dựng còn thiếu của bà H và tiền lãi theo quy định pháp luật.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 13.744.000đồng nợ gốc theo giấy viết có nội dung nhận nợ tiền đề ngày 11/12/2023 và 02 giấy viết kê nội dung mua vật liệu của bị đơn và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày ký giấy nhận nợ 10/6/2023 đến ngày xét xử.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn thuộc hộ nghèo, có đơn yêu cầu miễn án phí. Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền mua vật liệu. Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 13.744.000 đồng tiền vật liệu xây dựng và có viết giấy chốt sổ với nguyên đơn về khoản nợ này, việc ký giấy viết nhận nợ là tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự (BLDS). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, giấy nhận nợ ghi ngày 11/12/2023 và 02 giấy viết kê nội dung mua vật liệu của bị đơn do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 13.744.000 đồng theo giấy nhận nợ đề ngày 11/12/2023 và 02 giấy viết kê nội dung mua vật liệu của bị đơn.

Về lãi suất, theo lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn vay nguyên đơn có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất. Nguyên đơn có yêu cầu trả lãi. HĐXX căn cứ Điều 357 và Điều 440 BLDS cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả tiền.

Về mức lãi suất: Các đương sự thống nhất lãi suất theo mức lãi suất của ngân hàng nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng trên tiền nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 440 và khoản 2 Điều 468 BLDS nên HĐXX cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc 13.744.000 đồng từ ngày 10/6/2023 đến ngày xét xử 08/4/2024: $13.744.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (303 \text{ ngày} : 30) = 1.152.160 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 13.744.000 đồng + 1.152.160 đồng = 14.896.160 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn 14.896.160 đồng là: $14.896.160 \text{ đồng} \times 5\% = 744.808 \text{ đồng}$. Bị đơn thuộc hộ nghèo, có đơn miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 357, Điều 440 và Điều 468 BLDS;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng, buộc bị đơn vợ chồng ông Trịnh Xuân Q và bà Trương Thị H1 phải trả cho bà H 14.896.160 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: 13.744.000 đồng nợ gốc theo giấy nhận nợ tiền ngày 11/12/2023 và 02 giấy viết kê nội dung mua vật liệu của bị đơn và tiền lãi 1.152.160 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông Trịnh Xuân Q và bà Trương Thị H1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H 356.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000687 ngày 09/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải